

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 18/4/2022

V/v Tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liệu

2. Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông HVăn Thành – Kiểm Sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2021/TLST – DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Ấp 01, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Nguyễn Thị Hoàng, sinh năm 1957, anh Nguyễn Vũ Cường, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có mặt, bà H và anh Cường vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông T trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ bạn thân thiết, vào tháng 8 năm 2019 ông có cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 và Nguyễn Vũ C vay số tiền 50.000.000đ. Khi ông cho bà H và anh C vay tiền thì hai bên không làm giấy vay tiền. Mục đích của việc vay tiền là để cho anh Nguyễn Vũ C nuôi cá, thời hạn trả nợ là khoảng 3 đến 4 tháng sau khi thu hoạch cá và không yêu cầu tiền lãi. Khi giao tiền thì ông đưa trực tiếp cho bà H tại quán cà phê ở thị trấn T, huyện T và có con gái của bà H chứng kiến. Sau thời gian khoảng 5 đến 6 tháng không thấy bà H trả nợ thì ông đã nhiều lần hỏi nhưng bà H vẫn không trả mà còn thách thức.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H và anh C phải trả số tiền nợ là 50.000.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H và anh C phải trả số tiền nợ gốc là 45.000.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

** Lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà với ông T có quan hệ sống chung như vợ chồng được khoảng 03 năm nay. Nhưng khoảng tháng 6 năm 2021 tới nay thì không còn sống chung với nhau nữa. Khi bà và ông T sống chung thì bà lo hết cuộc sống cho ông T, trong cuộc sống có thiếu tiền thì bà có nói với ông T nếu thiếu tiền thì cho bà mượn ít tiền và ông T có hứa nhưng không cho bà vay. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà và con là Nguyễn Vũ C trả số tiền 50.000.000đ thì bà H không đồng ý.

Con bà là Nguyễn Vũ C cũng không vay tiền nên không liên quan đến việc ông T khởi kiện.

** Lời khai bị đơn anh Nguyễn Vũ C trình bày:*

Do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án anh C vắng mặt nên không có lời khai.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn bà H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh C không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Húng cấp và qua kết quả xác minh tại công an xã P thì bà H và anh Chiện đang sinh sống tại địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có mặt, bị đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu theo Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Mai Văn T là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Vũ C là người bị kiện nên xác định là bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Vũ C phải trả số tiền vay nợ gốc là 50.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày và cung cấp thông tin người làm chứng là anh Út Bí, cô Huyền, vợ anh Chúc và cô Phượng nhưng không rõ họ tên và địa chỉ của người làm chứng do đó Tòa án không triệu tập được nên Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy vay tiền, họ tên và địa chỉ của những người làm chứng. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được, ông

T cũng không yêu cầu Toà án triệu tập người làm chứng và đề nghị Toà án căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của các đương sự như sau: “1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.

Ông T khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, hơn nữa bị đơn bà H không thừa nhận có vay tiền của ông T và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T.

Tại phiên toà ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông T yêu cầu bà H và ông Cường phải trả số nợ gốc là 45.000.000đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Mai Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 147, Điều 184, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 429, Điều 463, Điều 465 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Vũ C phải trả số tiền nợ gốc 5.000.000đ (năm triệu đồng).

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T về “Tranh chấp vay tài sản” với bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Vũ C.

3. Về án phí: Ông Mai Văn T được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Đ;
- Chi cục THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn